



CTY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG
806 Âu Cơ, P.14, Q.TB, TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 17.20 CV/VID-HĐQT

TP.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2020

v/v Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
- Mã chứng khoán: VID
- Địa chỉ trụ sở chính: 806 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028.38428633 Fax: 028.38425880
- E-mail: info@dautuviendong.vn Website: <https://dautuviendong.vn>
- Loại thông tin công bố: 24h ☒ Yêu cầu ☐ Bất thường ☐ Định kỳ ☐

Nội dung thông tin công bố:

Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (VIDON CORP.) xin công bố: Nghị quyết của Hội đồng quản trị công ty v/v Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức - năm tài chính 2019 cho cổ đông hiện hữu, được tóm tắt như sau.

- | | |
|-------------------------|--|
| 1. Tỷ lệ chia cổ tức: | 10% (Mười phần trăm); Cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được nhận 01 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức |
| 2. Nguồn vốn: | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán |
| 3. Thời gian thực hiện: | Dự kiến trong quý III và đầu quý IV/2020; và sau khi được UBCKNN chấp thuận |

- Nội dung này được đăng tải trên website công ty: www.dautuviendong.vn
- Đính kèm Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03.20 NQ/VID-HĐQT & Phương án
- Đính kèm báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số: 05.20.BC/VID-HĐQT

Chúng tôi xin cam kết các thông tin giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên
- Ban QHCD&TT (CBTT)
- Lưu VP, TCKT



Bùi Quang Mẫn

Số ~~01.20~~ NQ/VID-ĐHĐCĐ

TP.HCM, ngày 26 tháng 6 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp Việt Nam 2014 và Luật Chứng khoán Việt Nam 2006;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông 2018;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông được tổ chức ngày 26 tháng 6 năm 2020 tại Hội trường Công ty số 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh;

Trên cơ sở vốn điều lệ 280.739.390.000 đồng, với số cổ đông và người được uỷ quyền tham dự Đại hội là 41 người, sở hữu và đại diện sở hữu cho 24.229.401 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 86,3% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty; đã thảo luận và thống nhất quyết nghị

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Đại hội thống nhất 100% Phê chuẩn và thông qua toàn văn nội dung Báo cáo sau: Báo cáo của Hội đồng quản trị, Báo cáo của Ban Tổng giám đốc, Báo cáo của Ban kiểm soát, Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất năm 2019 của công ty đã được kiểm toán. Theo đó, kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu về kinh doanh-tài chính năm 2019 như sau.

<i>Chỉ tiêu / tại BCTC Hợp nhất</i>	<i>Thực hiện năm 2019</i>	<i>ĐVT</i>
1. Tổng doanh thu & các khoản thu nhập	1.069.553	triệu đồng
2. Lợi nhuận trước thuế	28.366	triệu đồng
3. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.155	triệu đồng
4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	đồng

Điều 2: Đại hội thống nhất 100%, thông qua các chỉ tiêu chủ yếu về kinh doanh-tài chính năm 2020 tại báo cáo tài chính hợp nhất như sau.

<i>Chỉ tiêu / tại BCTC Hợp nhất</i>	<i>Kế hoạch năm 2020</i>	<i>ĐVT</i>
1. Tổng doanh thu & các khoản thu nhập	1.070.000	triệu đồng
2. Lợi nhuận trước thuế	25.000	triệu đồng
3. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.000	triệu đồng
4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	712	đồng
5. Cổ tức	7%	

Điều 3: Đại hội thống nhất 100%, thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm tài chính 2019 và Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019, tóm tắt như sau :

3.1. Phương án phân phối lợi nhuận năm tài chính 2019 :

1. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 theo BCTC riêng (*)	2.630	triệu đồng
2. Lợi nhuận sau thuế TNDN chưa phân phối lũy kế tính đến ngày 31/12/2018	75.893	triệu đồng
3. Lợi nhuận sau thuế TNDN còn giữ lại chưa phân phối lũy kế tính đến ngày 31/12/2019	78.523	triệu đồng
4. Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi 5% (*)	130	triệu đồng
5. Trích trả cổ tức tỉ lệ 10% bằng cổ phiếu	28.073	triệu đồng
6. Lợi nhuận sau thuế TNDN còn giữ lại chưa phân phối lũy kế tính đến ngày 31/12/2019	50.320	triệu đồng

3.2 Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông.
- Loại cổ phiếu phát hành: cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/CP.
- Tổng vốn điều lệ công ty tính đến 31/12/2019 là 280.739.390.000 đồng.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành để trả cổ tức năm 2019 là 2.807.393 cổ phiếu tương ứng với tổng giá trị cổ phiếu phát hành tính theo mệnh giá là 28.073.930.000 đồng.
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành là 308.813.320.000 đồng.
- Tỉ lệ thực hiện 10% (mười phần trăm) – cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được nhận 1 (một) cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức.
- Đối tượng phát hành : cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của công ty do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt danh sách cổ đông để thực hiện phát hành.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ : cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được tính tròn đến hàng đơn vị, phần cổ phiếu lẻ phát sinh nếu có sẽ được hủy bỏ.
- Nguồn phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019 trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại báo cáo tài chính năm 2019 của công ty đã được kiểm toán.
- Thời điểm phát hành : trong quý 3 hoặc quý 4/2020.
- Toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức năm 2019 sẽ được đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM và đăng ký lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam sau khi hoàn tất việc phát hành.

Điều 4: Đại hội chấp thuận 100 % thông qua báo cáo thực hiện năm 2019 và phê duyệt mức thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty năm 2020 như sau:

- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty năm 2019:

Đã trích trong năm 2019 (tính tròn) : 94 triệu đồng phù hợp với mức do Đại hội đồng cổ đông năm trước đã thông qua và không trích bổ sung trong năm 2020.

- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty năm 2020:

Tối đa 2 % (hai phần trăm) lợi nhuận trước thuế đạt được.

Điều 5: Đại hội chấp thuận 100% ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông đảm bảo các tiêu chí:

- Công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính trong năm 2020 cho các công ty niêm yết.
- Chi phí phù hợp và mức tín nhiệm của công ty kiểm toán trên thị trường.
- Thực hiện kiểm toán đúng chuẩn mực, bảo đảm thời hạn công bố thông tin.

Điều 6: Đại hội chấp thuận 100 % việc miễn nhiệm Thành viên ĐL HĐQT và Thành viên BKS do có đơn từ nhiệm và bầu bổ sung Thành viên độc lập hội đồng quản trị và Thành viên ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2016 – 2020, theo đó :

1. Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Thành viên Độc lập HĐQT đối với Ông Châu Minh Thiện theo đơn xin từ nhiệm . Việc miễn nhiệm này có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 thông qua .
2. Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Thành viên BKS đối với Ông Nguyễn Minh Hùng và Ông Phạm Như Bách theo đơn xin từ nhiệm . Việc miễn nhiệm này có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 thông qua .
3. Căn cứ kết quả bầu cử , các ứng cử viên đã trúng cử vào Thành viên ĐL HĐQT và Thành viên BKS nhiệm kỳ 2016 – 2020 bao gồm các Ông /Bà sau đây :

1. Bà Trần Thị Thủy Tiên – Thành viên ĐL HĐQT
2. Bà Trần Thị Thanh Thủy – Thành viên BKS
3. Bà Bùi Thị Ngọc Yến – Thành viên BKS

Như vậy , danh sách Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016 – 2020 sau khi bầu cử bổ sung bao gồm các Ông /Bà Sau đây

1. Ông Bùi Quang Mẫn – Chủ Tịch HĐQT
2. Bà Nguyễn Thị Thu – Phó CT HĐQT
3. Ông Bùi Quang Khoa – Thành viên HĐQT
4. Ông Trần Hoàng Nghĩa – Thành viên HĐQT
5. Bà Phạm Thị Như Ngọc – Thành viên ĐL HĐQT
6. Bà Trần Thị Thủy Tiên – Thành viên ĐL HĐQT

Như vậy , danh sách Thành viên BKS nhiệm kỳ 2016 – 2020 sau khi bầu cử bổ sung bao gồm các Bà Sau đây

1. Bà Lê Thị Minh Giang – Trưởng Ban kiểm soát
2. Bà Trần Thị Thanh Thủy – Thành viên BKS
3. Bà Bùi Thị Ngọc Yến – Thành viên BKS

Điều 7: Trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông.

- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc công ty có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát và triển khai thực hiện đúng đắn các điều khoản của Nghị quyết, phù hợp với Điều lệ công ty và các quy định hiện hành của pháp luật.
- Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 06 năm 2020.

TM. CHỦ TỊCH ĐOÀN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bùi Quang Mẫn

Số: 03.20 QĐ/VID-HĐQT

TP.HCM, ngày 29 tháng 07 năm 2020

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
v/v Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức – năm tài chính 2019

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CTY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (2018);
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020, ngày 26/06/2020;
- Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng quản trị công ty ngày 28/07/2020 v/v Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức – năm tài chính 2019;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1 : Hội đồng quản trị Công ty quyết định phê duyệt và triển khai Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức – năm tài chính 2019 của Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (gọi tắt sau đây là phương án) :

Điều 2 : Nội dung phương án .

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
- Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000đồng/cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 28.073.939 cổ phiếu (Hai mươi tám triệu không trăm bảy mươi ba ngàn chín trăm ba mươi chín cổ phiếu)
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 28.073.939 cổ phiếu (Hai mươi tám triệu không trăm bảy mươi ba ngàn chín trăm ba mươi chín cổ phiếu)
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Tổng vốn điều lệ Công ty tính đến 31/12/2019 là: 280.739.390.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành để trả cổ tức năm 2019 là: 2.807.393 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá để trả cổ tức năm 2019 là: 28.073.930.000 đồng
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành: 308.813.320.000 đồng
- Tỷ lệ thực hiện: 10% (Mười phần trăm): Cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được nhận 01 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của Công ty do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp vào thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện phát hành

- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ:
- + Cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được lấy tròn đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ được hủy bỏ.
- + Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 264 cổ phần, tương đương 264 quyền, thì cổ tức được là $264 \times 10\% = 26,4$. Theo nguyên tắc xử lý cổ phiếu lẻ, số cổ phần mới của cổ đông nhận được là 26 cổ phần, phần lẻ 0,4 cổ phần sẽ được hủy bỏ.
- Nguồn vốn phát hành cổ phiếu: Từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại Báo cáo tài chính năm 2019 của công ty đã được kiểm toán
- Thời điểm phát hành: Dự kiến cuối quý III và đầu quý IV/2020; Sau khi được UBCKNN chấp thuận.

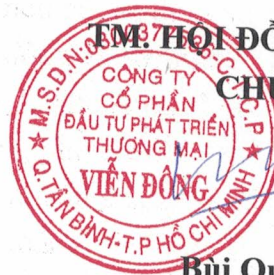
Toàn bộ nội dung của Phương án được đính kèm Nghị quyết này.

Điều 3: Chủ tịch hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát, Tổng giám đốc công ty, chịu trách nhiệm phối hợp triển khai Phương án này nhằm bảo đảm lợi ích cổ đông và doanh nghiệp, đồng thời phù hợp với Điều lệ công ty, các thủ tục và qui định pháp luật hiện hành.

- Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

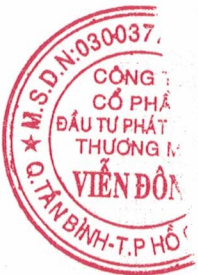
Nơi nhận:

- SSC, HOSE
- HĐQT, BKS, BTGD
- Lưu VP, Ban QHCD&TT (CBTT)



CHỦ TỊCH

Bùi Quang Mẫn



TP.HCM, ngày 29 tháng 07 năm 2020

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC NĂM TÀI CHÍNH 2019

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 03.20 NQ/VID- HĐQT ngày 29/07/2020 của HĐQT)

Căn cứ:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020, quy định tại Điều 3: thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm tài chính 2019 và Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019 ;
- Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam – Chi nhánh TPHCM ;
- Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty ngày 28/07/2020 v/v Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm tài chính 2019;

Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm tài chính 2019 của Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông được tóm tắt như sau:

1. Tên chứng khoán	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
2. Mã chứng khoán	VID
3. Loại chứng khoán phát hành	Cổ phần phổ thông
4. Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần (Mười ngàn đồng)
5. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.073.939 cổ phiếu
6. Số lượng cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
7. Mục đích phát hành	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm tài chính 2019
8. Đối tượng phát hành	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của Công ty do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp vào thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện phát hành .
9. Tỷ lệ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	10% (Mười phần trăm) Tương đương với tỷ lệ thực hiện quyền 10:1

	Tại ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ được 01 quyền và cứ 10 quyền sẽ nhận được 01 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức.
10. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành để trả cổ tức	2.807.393 cổ phiếu (Hai triệu tám trăm lẻ bảy ngàn ba trăm chín mươi ba cổ phiếu)
11. Tổng giá trị dự kiến phát hành (theo mệnh giá)	28.073.930.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tám tỷ không trăm bảy mươi ba triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng)
12. Tổng điều lệ dự kiến sau phát hành	308.813.320.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm lẻ tám tỷ tám trăm mười ba triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng)
13. Nguồn vốn thực hiện	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại Báo cáo tài chính năm 2019 đã được iểm toán
14. Thời gian thực hiện	Dự kiến trong quý III và đầu quý IV/2020; và sau khi được UBCKNN chấp thuận
	Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu nhận cổ tức bằng cổ phiếu tại (các) công ty chứng khoán – nơi mở tài khoản lưu ký.
	Đối với chứng khoán không lưu ký: Người sở hữu nhận cổ tức bằng cổ phiếu tại Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông. Địa chỉ: 806 Âu Cơ, P.14, Q. Tân Bình, TP. HCM
15. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ	Cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được lấy tròn đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ được hủy bỏ. + Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 264 cổ phần, tương đương 264 quyền, thì cổ tức được là $264 \times 10\% = 26,4$. Theo nguyên tắc xử lý cổ phiếu lẻ, số cổ phần mới của cổ đông nhận được là 26 cổ phần, phần lẻ 0,4 cổ phần sẽ được hủy bỏ.

16. Lưu ký và niêm yết cổ phiếu	Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo luật định hiện hành.
17. Trách nhiệm Hội đồng quản trị	- Bổ sung, hoàn chỉnh Phương án phát hành theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước (nếu có) để thực hiện phương án phù hợp luật định, và bảo đảm lợi ích của cổ đông và doanh nghiệp. - Thực hiện, phê duyệt các tài liệu/hồ sơ cần thiết để hoàn tất công việc liên quan đến đợt phát hành, đăng ký thay đổi vốn điều lệ và giấy chứng nhận doanh nghiệp; - Thực hiện, phê duyệt các tài liệu/hồ sơ cần thiết để đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ chí Minh
18. Trách nhiệm của CBQL và các bộ phận liên quan	Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát, Ban Quan hệ cổ đông & truyền thông của công ty có trách nhiệm phối hợp chuẩn bị đầy đủ các tài liệu/hồ sơ, các thủ tục liên quan và yêu cầu về công bố thông tin để thực hiện Phương án này đúng tiến độ, phù hợp với Điều lệ công ty và luật định hiện hành.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ Tịch

Bùi Quang Mẫn

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05.20 BC/VID-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2020

BÁO CÁO PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước

I. Giới thiệu về tổ chức phát hành.

1. Tên tổ chức đăng ký phát hành (đầy đủ):

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

2. Tên giao dịch: *Vien Dong Investment Development Trading Corporation*

3. Địa chỉ trụ sở chính: 806 Âu Cơ, Phường 14, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

4. Điện thoại: 028.38428633 Fax: 028.38425880

5. Mã chứng khoán (nếu có): VID

6. Vốn điều lệ: 280.739.390.000 đồng

7. Nơi mở tài khoản:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Sở Giao dịch 2;

Số hiệu tài khoản: 13010000244717

8. Căn cứ pháp lý hoạt động kinh doanh

– Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300377536, thay đổi lần thứ 14 ngày 19 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

– Ngành nghề kinh doanh chính:

Mã số:

Kinh doanh giấy vệ sinh, khăn giấy, các sản phẩm khác từ giấy,
Xuất nhập khẩu các loại giấy, vật tư, thiết bị ngành giấy;

4669

In bao bì; In nhãn mác, catalog, tờ rơi, tờ gấp giới thiệu sản
phẩm hàng hóa; biểu mẫu, văn hóa phẩm và giấy tờ giao dịch
hành chính của các doanh nghiệp; giấy tờ quản lý kinh tế-xã hội;

1811

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất... Kinh doanh nhà;
Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng;

6810

Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Tổ chức sự kiện)

8230

Giáo dục tiểu học	8520
Giáo dục trung học cơ sở và phổ thông	8531
Giáo dục nghề nghiệp: Đào tạo nghề. Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở); Dạy nghề	8532
Đào tạo cao đẳng	8541
Đào tạo đại học và sau đại học	8542
Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động	5610
- Sản phẩm/dịch vụ chính: kinh doanh xuất nhập khẩu giấy công nghiệp, giấy tiêu dùng các loại; đầu tư tài chính, tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; dịch vụ giáo dục và đào tạo; - Tổng mức vốn kinh doanh tại ngày 31/12/2019:	
Trên BCTC riêng/công ty mẹ năm 2019 đã kiểm toán:	402.622.245.098 đồng
Trên BCTC hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán:	906.520.048.152 đồng

II. Mục đích phát hành cổ phiếu.

Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm tài chính 2019

III. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
- Loại cổ phiếu: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phần (Mười ngàn đồng)
- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 28.073.939 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 28.073.939 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 2.807.393 cổ phiếu
(Hai triệu tám trăm lẻ bảy ngàn ba trăm chín mươi ba cổ phiếu)
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 28.073.930.000 đồng
(Hai mươi tám tỷ không trăm bảy mươi ba triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng)
- Tỷ lệ phát hành: **10%** (Cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được nhận 01 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức)
- Nguồn vốn: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam – Chi nhánh TPHCM.

11. Thời gian thực hiện: Dự kiến trong quý III và đầu quý IV/2020 và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

12. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ:

Cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được lấy tròn đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ được hủy bỏ.

+ Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 264 cổ phần, tương đương 264 quyền, thì cổ tức được là $264 \times 10\% = 26,4$. Theo nguyên tắc xử lý cổ phiếu lẻ, số cổ phần mới của cổ đông nhận được là 26 cổ phần, phần lẻ 0,4 cổ phần sẽ được hủy bỏ.

IV. Cam kết thực hiện đúng phương án phát hành và quy định của pháp luật.

Chúng tôi đảm bảo những thông tin trên đây là đúng sự thật và cam kết thực hiện đúng phương án phát hành và tuân thủ các quy định hiện hành.

V. Các bên liên quan (không có).

VI. Hồ sơ kèm theo.

1. Nghị quyết số 01.20 NQ/VID-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020;
2. Nghị quyết số 03.20 NQ/VID-HĐQT ngày 29/07/2020 của Hội đồng quản trị v/v Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm tài chính 2019;
3. Báo cáo tài chính riêng/công ty mẹ & hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán;
4. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm tài chính 2019, bao gồm Phương án xử lý cổ phiếu lẻ được Hội đồng quản trị thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên
- Ban QHCD&TT
- Lưu VP

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG**

Người đại diện theo pháp luật

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bùi Quang Mẫn

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 6
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	7 – 8
3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	9 – 12
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất hợp nhất	13
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	14 – 15
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	16 – 50

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (Công ty mẹ) và Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực (Công ty con) (dưới đây gọi tắt là "Nhóm Công ty") đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0300377536 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất (lần thứ 14) vào ngày 19 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 280.739.390.000 đồng (Hai trăm tám mươi tỷ bảy trăm ba mươi chín triệu đồng ba trăm chín mươi nghìn đồng).

Mã chứng khoán: VID

Hoạt động của Công ty là:

- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất giấy vệ sinh, băng vệ sinh, khăn giấy; Các sản phẩm khác từ giấy; Gia công, sản xuất bao bì giấy; Gia công: giấy vệ sinh, khăn giấy (trừ sản xuất bột giấy, tái chế phế thải tại trụ sở);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh giấy vệ sinh, băng vệ sinh, khăn giấy; Các sản phẩm khác từ giấy; Vật tư, thiết bị ngành giấy; Xuất nhập khẩu: các loại giấy, vật tư, thiết bị ngành giấy. Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với pháp luật quy định. Mua bán vật tư ngành in, nguyên liệu ngành sản xuất thuốc lá, giấy, dầu lọc, màng nhôm, màng nhựa. Mua bán sản phẩm bao bì, nhãn mác, hộp, vật tư, thiết bị ngành in;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế thiết bị sản xuất giấy;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế tạo, gia công thiết bị sản xuất giấy; Vật tư, thiết bị ngành giấy; Gia công, sản xuất bao bì nhôm, nhựa (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị sản xuất giấy (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- In ấn. Chi tiết: In bao bì; In nhãn mác, catalog, tờ rơi, tờ gấp giới thiệu sản phẩm hàng hóa; hướng dẫn sử dụng thiết bị, công cụ và sản phẩm tiêu dùng; biểu mẫu, văn hóa phẩm và giấy tờ giao dịch hành chính của các doanh nghiệp; giấy tờ quản lý kinh tế-xã hội (trừ in tráng bao bì kim loại, in trên sản phẩm vải, sợi, dệt, may đan tại trụ sở);
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán hàng nông sản, sản phẩm chế biến từ nông sản (Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân Tp. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà. Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn tự động phục vụ, quán ăn nhanh có phục vụ đồ ăn mang về, xe bán hàng ăn lưu động (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở);
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo nghề. Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở). Dạy nghề;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở);
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật (trừ hoạt động sân khấu);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (có nội dung được phép lưu hành);
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khoẻ của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ sản xuất giấy;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: sửa chữa thiết bị sản xuất giấy (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh);
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác (trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng);
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao. Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở tổ chức các sự kiện thể thao trong nhà hoặc ngoài trời (sân vận động bóng đá) (trừ hoạt động của các sân khấu);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...). Chi tiết: hoạt động cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng nhân các sự kiện như phục vụ tiệc, hội nghị, tiệc gia đình, đám cưới hoặc hợp đồng dịch vụ ăn uống, phục vụ ăn uống cho các sự kiện thể thao, hội nghị hoặc tương tự, cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng tại địa điểm mà khách

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

hàng yêu cầu nhân các công việc của họ như tiệc hội nghị cơ quan, doanh nghiệp, đám cưới, các công việc gia đình khác;

- Dịch vụ ăn uống khác. Chi tiết: hoạt động cung cấp dịch vụ ăn uống cho các sự kiện trong một khoảng thời gian cụ thể; Đồ ăn thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng; cung cấp suất ăn theo hợp đồng; hoạt động của các căng tin và nhà hàng tự phục vụ trên cơ sở nhượng quyền (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống. Chi tiết: hoạt động chế biến và phục vụ đồ uống cho khách hàng tiêu dùng tại chỗ, quán giải khát, hàng bia, quán cà phê, nước hoa quả, giải khát, dịch vụ đồ uống khác như: nước mía, nước sinh tố, quán chè, xe bán rong đồ uống (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ).

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Bùi Quang Mẫn	Chủ tịch – người đại diện theo pháp luật
- Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Chủ tịch
- Ông Trần Hoàng Nghĩa	Thành viên
- Ông Bùi Quang Khoa	Thành viên
- Bà Phạm Thị Như Ngọc	Thành viên độc lập
- Ông Châu Minh Thiện	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 25/04/2019)

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Lê Thị Minh Giang	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 27/05/2019)
- Ông Võ Trần Quốc	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 25/04/2019)
- Ông Phạm Như Bách	Thành viên
- Ông Nguyễn Minh Hùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01/10/2019)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Bùi Quang Minh	Tổng Giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Bùi Quang Khoa	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Bùi Văn Thủy	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 01/10/2019)
- Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 01/10/2019)

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4. Tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất hợp nhất

Chi tiết tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Nhóm Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng, không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Nhóm Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Nhóm Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Nhóm Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Nhóm Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Nhóm Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2020

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Quang Minh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2020

THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bùi Quang Mẫn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Số: 055/2020/BCKT-PKF.HCMC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông ("Công ty") và Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực ("Công ty con") (gọi tắt là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 27 tháng 03 năm 2020, từ trang 09 đến trang 50, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam.



Trương Quang Trung

Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1752-2018-242-1

Nguyễn Thị Hoàng Vân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1561-2017-242-1



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		491.201.046.803	533.575.246.053
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		33.755.837.853	40.732.865.879
Tiền	111	5.1	33.755.837.853	40.732.865.879
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2a	63.738.807.671	81.735.861.111
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		63.738.807.671	81.735.861.111
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		276.417.330.195	238.209.432.126
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	272.242.849.783	245.843.644.403
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	33.947.629.394	19.457.590.264
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	15.569.699.869	8.755.159.414
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.7	(45.342.848.851)	(35.846.961.955)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		111.472.297.503	163.400.582.786
Hàng tồn kho	141	5.8	115.883.877.668	169.337.900.175
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(4.411.580.165)	(5.937.317.389)
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.816.773.581	9.496.504.151
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9a	376.479.585	798.607.261
Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.440.293.996	8.521.715.197
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	176.181.693
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		415.319.001.349	299.760.734.127
Các khoản phải thu dài hạn	210		37.826.275.919	39.260.000.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.6	37.826.275.919	39.260.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		71.790.628.203	64.123.383.915
Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	47.267.254.962	39.330.202.638
- Nguyên giá	222		89.572.181.246	74.927.851.171
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(42.304.926.284)	(35.597.648.533)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.12	24.523.373.241	24.793.181.277
- Nguyên giá	228		26.930.027.271	26.930.027.271
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.406.654.030)	(2.136.845.994)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		14.902.584.134	4.964.763.455
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí XDCB dở dang	242	5.13	14.902.584.134	4.964.763.455
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2b	279.069.205.779	175.852.689.896
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		202.942.205.779	158.182.689.896
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		76.044.500.000	17.587.500.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	254		(337.500.000)	(337.500.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		420.000.000	420.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		11.730.307.314	15.559.896.861
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9b	5.499.784.601	8.439.299.475
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269	5.10	6.230.522.713	7.120.597.386
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		906.520.048.152	833.335.980.180

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
NỢ PHẢI TRẢ	300		426.773.267.268	370.244.919.235
Nợ ngắn hạn	310		417.773.267.268	346.386.842.778
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	69.492.500.413	115.074.170.559
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	12.672.188.418	11.341.040.924
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	12.591.406.178	25.926.567.401
Phải trả người lao động	314		1.676.708.843	1.712.073.868
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	832.904.110
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	193.600.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	11.041.134.566	2.007.885.336
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18a	308.804.950.427	187.790.639.488
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.19	1.494.378.423	1.507.961.092
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		9.000.000.000	23.858.076.457
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18b	9.000.000.000	23.850.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.20	-	8.076.457
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		479.746.780.884	463.091.060.945
Vốn chủ sở hữu	410	5.21	479.746.780.884	463.091.060.945
Vốn góp của chủ sở hữu	411		280.739.390.000	280.739.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		280.739.390.000	280.739.390.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.254.265.000	3.254.265.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.967.606.986	2.967.606.986
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		15.324.659.007	15.324.659.007
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		105.844.658	105.844.658
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		93.536.625.176	92.671.648.331
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		92.171.648.331	86.970.583.832
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.364.976.845	5.701.064.499
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		83.818.390.057	68.027.646.963
Nguồn kinh phí	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		906.520.048.152	833.335.980.180

Ngày 27 tháng 03 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






Nguyễn Thị Thủy Tiên

Nguyễn Thị Thủy Tiên

Bùi Quang Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.052.513.311.148	864.513.311.921
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	1.052.513.311.148	864.513.311.921
Giá vốn hàng bán	11	6.2	969.904.539.087	791.393.531.862
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		82.608.772.061	73.119.780.059
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	16.050.663.333	21.967.082.032
Chi phí tài chính	22	6.4	15.564.241.638	9.791.781.474
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.934.267.134	8.006.195.219
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		8.833.929.825 X	2.594.418.400
Chi phí bán hàng	25	6.5	11.755.619.441	4.779.385.260
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	48.176.717.219	39.887.747.804
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.996.786.921	43.222.365.953
Thu nhập khác	31	6.7	989.506.261	407.786.255
Chi phí khác	32	6.8	4.619.736.409	5.237.409.556
Lợi nhuận khác	40		(3.630.230.148)	(4.829.623.301)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.366.556.773	38.392.742.652
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.10	11.218.913.292	10.537.099.998
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	6.11	(8.076.457)	(451.169.810)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.155.719.938	28.306.812.464
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		1.364.976.845	13.570.325.940
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		15.790.743.093	14.736.486.524
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.12	31	512

Ngày 27 tháng 03 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






Nguyễn Thị Thùy Tiên

Nguyễn Thị Thùy Tiên

Bùi Quang Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	28.366.556.773	38.392.742.652
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	6.977.085.787	4.784.982.954
- Các khoản dự phòng	03	5.077.382.763	(171.763.524)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.558.289.476	502.185.015
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(14.302.841.906)	(21.820.639.699)
- Chi phí lãi vay	06	15.934.276.299	8.006.195.219
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	43.610.749.192	29.693.702.618
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	8.596.902.829	(38.863.713.732)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	53.454.022.507	(111.827.511.708)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(105.531.864.422)	(8.451.157.792)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	4.251.717.223	(1.717.893.721)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(14.253.572.960)	(6.462.182.252)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(16.569.476.062)	(16.331.799.731)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	8.121.000	50.140.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(521.703.669)	(735.012.530)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(26.955.104.362)	(154.645.428.847)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(27.548.126.444)	(18.847.586.128)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(16.500.000.000)	(83.495.861.111)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	34.569.585.192	117.980.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(94.739.500.000)	(10.013.698.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	740.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.556.948.991	20.458.893.100
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(85.921.092.261)	26.081.747.861

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp) (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	671.405.099.082	498.836.105.681
Tiền trả nợ gốc vay	34	(565.505.339.111)	(365.011.988.022)
Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	105.899.759.971	133.824.117.659
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	(6.976.436.652)	5.260.436.673
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	40.732.865.879	35.472.429.206
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(591.374)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	33.755.837.853	40.732.865.879

Ngày 27 tháng 03 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Thủy Tiên

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thủy Tiên

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Quang Minh



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0300377536 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất (lần thứ 14) vào ngày 19 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 280.739.390.000 đồng (Hai trăm tám mươi tỷ bảy trăm ba mươi chín triệu đồng ba trăm chín mươi nghìn đồng).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có Văn phòng chính đặt tại 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số các công ty con: 01 (một) công ty

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01 (một) công ty

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 (không)

Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>
Công ty Cổ Phần Giấy Toàn Lực	Lô A2-8 Đường N5, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh	51,03%	51,03%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Danh sách các công ty liên kết được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	Lầu 2, số 84, KP4, đường 30/4, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	102A Phó Cơ Điều, phường 4, quận 11, Tp Hồ Chí Minh	44,74%	44,74%
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	29 Phan Đình Phùng, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	41,48%	41,48%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	252 Lạc Long Quân, phường 10, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh	38,70%	38,70%
Công ty Cổ phần Chè Lâm Đồng	Số 1 Quang Trung, phường 2, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	33,13%	33,13%
Công ty Cổ phần Chè Minh Rong	Thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng	27,04%	27,04%

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty mẹ và Công ty con áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của nhóm Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông ("Công ty mẹ") và Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực ("Công ty con") (dưới đây gọi tắt là "Nhóm Công ty"). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán được áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các Công ty trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của Công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Nhóm Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.3. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Nhóm Công ty trong giá hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ), được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

công ty con được giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được gộp trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

4.4. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Nhóm Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.6. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

4.7. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Nhóm Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư 48/2019/TT-BTC ban hành ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.9. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Nhóm Công ty như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc, thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	03

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty như sau:

- Phần mềm máy vi tính khấu hao trong 03 năm;
- Quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao trong 39 năm;
- Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không khấu hao.

4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.11. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

4.12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.13. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Nhóm Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.17. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Nhóm Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.18. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

4.19. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Nhóm Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Nhóm Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỆT ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.21. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4.22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền**

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
- Tiền mặt	87.543.914	290.861.166
- Tiền gửi ngân hàng	33.668.293.939	40.442.004.713
Cộng	33.755.837.853	40.732.865.879

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	63.738.807.671	63.738.807.671	81.735.861.111	81.735.861.111
Cộng	63.738.807.671	63.738.807.671	81.735.861.111	81.735.861.111

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây Sài Gòn, kỳ hạn 12 tháng trở xuống, lãi suất từ 5.3%/năm đến 6,8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

b. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh

	31/12/2019			01/01/2019		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp VCSH (VND)	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp VCSH (VND)
- Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	45,00%	45,00%	45.000.000.000	45,00%	45,00%	45.000.000.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	44,74%	44,74%	64.870.973.002	44,74%	44,74%	58.195.802.332
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	41,48%	41,48%	26.156.299.567	37,93%	37,93%	18.358.478.078
- Công ty Cổ phần Chè Lâm Đồng	33,13%	33,13%	20.108.507.780	33,13%	33,13%	20.436.630.698
- Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	27,04%	27,04%	6.081.161.968	27,04%	27,04%	9.392.601.299
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	38,70%	38,70%	40.725.263.462	28,33%	28,33%	6.799.177.489
Cộng			202.942.205.779			158.182.689.896

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đầu tư vào công ty khác

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	16.350.000.000	-	(*)	16.350.000.000
- Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt	337.500.000	337.500.000	(*)	337.500.000
- Công ty Cổ phần Văn hoá Giáo dục Việt Mỹ	-	-	(*)	800.000.000
- Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An	416.000.000	-	(*)	100.000.000
- Công ty CP Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	58.941.000.000	-	(*)	-
Cộng	76.044.500.000	337.500.000	(*)	17.587.500.000

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính của các Công ty trên và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Trái phiếu ngân hàng	420.000.000	420.000.000	420.000.000	420.000.000
Cộng	420.000.000	420.000.000	420.000.000	420.000.000

Khoản đầu tư trái phiếu tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây Sài Gòn; số lượng 42 trái phiếu, kỳ hạn 7 năm từ 19/12/2018 đến 19/12/2025, lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn ngân hàng tham chiếu tại ngày xác định lãi suất + 08%/năm.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
<i>Các khách hàng là bên liên quan</i>	30.310.008.344	31.140.123.196
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	30.304.796.481 ✓	30.952.010.101
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	5.211.863	188.113.095
<i>Các khách hàng độc lập</i>	241.932.841.439	214.703.521.207
- Công ty TNHH MTV In Báo Nhân Dân TP.HCM	35.508.781.605 ✓	21.497.425.664
- Công ty Cổ Phần in và Dịch Vụ Thương Mại Khánh Hội	22.482.780.266	-
- Công ty Cổ Phần Tac Paritas	26.054.266.846	22.000.000
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Văn Hóa Hương Trang	15.837.249.387	11.806.130.164
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Quảng Cáo Song Hành	13.195.906.739	-
- Công ty Cổ Phần In Số 7	9.826.423.573	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Sao Mai Vi Na	9.707.145.003	9.722.145.003
- Công ty TNHH An Hảo	7.058.998.358	17.975.872.527
- Các khách hàng khác	102.261.289.662	153.679.947.849
Cộng	272.242.849.783	245.843.644.403

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
<i>Các nhà cung cấp là bên liên quan</i>	6.283.865.975	3.811.181.318
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	6.283.865.975	3.811.181.318
<i>Các nhà cung cấp độc lập</i>	27.663.763.419	15.646.408.946
- Công ty TNHH Tac Paritas	26.191.111.401	9.811.551.245
- Các nhà cung cấp khác	1.472.652.018	5.834.857.701
Cộng	33.947.629.394	19.457.590.264

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	85.234.400	-	449.265.000	-
Ký cược, ký quỹ (i)	275.000.000	-	260.000.000	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	1.636.785	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác các bên độc lập	15.209.465.469	130.000.000	8.045.894.414	130.000.000
- Công ty TNHH Tac Paritas	7.342.796.761	-	4.953.912.982	-
- Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây	1.918.834.795	-	2.672.308.833	-
- Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt	1.305.148.800	-	-	-
- Nguyễn Minh Hùng	1.505.200.000	-	-	-
- Nguyễn Thị Ngọc Liên	2.000.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	1.137.485.113	130.000.000	419.672.599	130.000.000
Cộng	15.569.699.869	130.000.000	8.755.159.414	130.000.000

5.6 Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
- Công ty TNHH Tac Paritas	28.326.275.919	39.260.000.000
- Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội	9.500.000.000	-
Cộng	37.826.275.919	39.260.000.000

(i) Chi tiết như sau:

Khách hàng	Số hợp đồng	Ngày ký	Kỳ hạn	Lãi suất	Giá trị
- Công ty TNHH Tac Paritas	Hợp đồng 01/HĐVV/2017/VĐ-PA và Hợp đồng 02/HĐVV/2017/VĐ-PA	01/02/2017; 15/05/2017	24 tháng	7%/năm	28.326.275.919
- Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội	001/04/2019 GTL - KH	22/04/2019	3 năm	7%/năm	8.000.000.000
- Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội	001/05/2019 GTL - KH	09/05/2019	3 năm	7%/năm	1.500.000.000
					37.826.275.919

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.7 Nợ xấu

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	67.638.774.169	22.295.925.318	60.232.259.572	45.175.297.617
- Từ 03 năm trở lên	25.276.092.506	-	12.425.144.133	-
- Từ 02 đến dưới 03 năm	15.390.958.937	4.617.287.680	12.913.216.037	3.873.964.811
- Từ 01 đến dưới 02 năm	6.445.276.846	3.355.215.335	19.571.983.881	9.785.991.940
- Dưới 01 năm	20.526.445.880	14.323.422.303	15.321.915.521	31.515.340.866
Cộng	67.638.774.169	22.295.925.318	60.232.259.572	45.175.297.617

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Số đầu năm	35.846.961.955	31.587.578.421
Trích lập dự phòng trong năm	11.236.612.228	7.818.838.387
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.740.725.332)	(3.559.454.853)
Số cuối năm	45.342.848.851	35.846.961.955

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng ^(*)	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	1.203.813.779	1.148.749.732
Thành phẩm	3.398.235.430	327.000.000	3.503.464.703	327.000.000
Hàng hóa	112.485.642.238	4.084.580.165	164.630.621.693	4.461.567.657
Cộng	115.883.877.668	4.411.580.165	169.337.900.175	5.937.317.389

^(*) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm nay được tính như sau:

	Giá gốc hàng chậm luân chuyển	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
Thành phẩm	327.000.000	327.000.000
Hàng hóa	4.084.580.165	4.084.580.165
Cộng	4.411.580.165	4.411.580.165

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.9 Chi phí trả trước**a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	(VND)	(VND)
- Công cụ, dụng cụ	194.045.338	571.550.923
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	182.434.247	227.056.338
Cộng	376.479.585	798.607.261

b. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	(VND)	(VND)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	523.217.844	792.355.910
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.239.360.961	6.015.031.977
- Chi phí đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 001/2017 ngày 31/07/2017	737.205.796	1.631.911.588
Cộng	5.499.784.601	8.439.299.475

5.10 Lợi thế thương mại

	Năm 2019	Năm 2018
	(VND)	(VND)
Số đầu năm	7.120.597.386	8.010.672.059
Tăng trong năm trước	-	-
Phân bổ trong năm	(890.074.673)	(890.074.673)
Số cuối năm	6.230.522.713	7.120.597.386

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải (VND)	Thiết bị dụng cụ quản lý (VND)	Cộng (VND)
Nguyên giá					
01/01/2019	53.786.864.761	9.636.506.188	9.253.178.079	2.251.302.143	74.927.851.171
Mua trong năm	1.757.777.000	134.545.455	-	171.266.364	2.063.588.819
Đầu tư XDCB hoàn thành	12.539.141.256	-	-	41.600.000	12.580.741.256
31/12/2019	68.083.783.017	9.771.051.643	9.253.178.079	2.464.168.507	89.572.181.246
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	12.363.840.089	4.783.834.336	4.129.257.715	501.833.802	21.778.765.942
Giá trị hao mòn					
01/01/2019	21.591.052.514	6.976.045.757	5.709.465.773	1.321.084.489	35.597.648.533
Khấu hao trong năm	4.452.210.234	1.139.161.092	698.984.772	416.921.653	6.707.277.751
31/12/2019	26.043.262.748	8.115.206.849	6.408.450.545	1.738.006.142	42.304.926.284
Giá trị còn lại					
01/01/2019	32.195.812.247	2.660.460.431	3.543.712.306	930.217.654	39.330.202.638
31/12/2019	42.040.520.269	1.655.844.794	2.844.727.534	726.162.365	47.267.254.962

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.12 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài (*) (VND)	Quyền sử dụng đất có thời hạn (*) (VND)	Phần mềm vi tính (VND)	Cộng (VND)
Nguyên giá				
01/01/2019	18.751.415.355	7.726.577.193	452.034.723	26.930.027.271
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
31/12/2019	18.751.415.355	7.726.577.193	452.034.723	26.930.027.271
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	175.482.723	175.482.723
Giá trị hao mòn				
01/01/2019	-	1.898.323.397	238.522.597	2.136.845.994
Khấu hao trong năm	-	198.117.360	71.690.676	269.808.036
Giảm trong năm	-	-	-	-
31/12/2019	-	2.096.440.757	310.213.273	2.406.654.030
Giá trị còn lại				
01/01/2019	18.751.415.355	5.828.253.796	213.512.126	24.793.181.277
31/12/2019	18.751.415.355	5.630.136.436	141.821.450	24.523.373.241

(*) Chi tiết:

	Diện tích (m2)	Số tiền (VND)
Quyền sử dụng đất lâu dài		
Thửa đất số 174, 180, 181, 182 tại lô số 174-180-181- 182, khu 10, khu đô thị mới Vĩnh Hòa, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	1.062,40	18.751.415.355
Quyền sử dụng đất có thời hạn		
Thửa đất số 338 tại Lô A-8 đường N5, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh	8.940,30	7.726.577.193
Cộng		26.477.992.548

5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
- Chi phí xây dựng dự án trường học	14.902.584.134	-
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	2.380.263.305
- Chi phí xây dựng dự án nhà hàng	-	2.584.500.150
Cộng	14.902.584.134	4.964.763.455

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Các nhà cung cấp bên độc lập</i>				
- Công ty Itochu Singapore Pte Ltd - Singapore	12.219.124.821	12.219.124.821	-	-
- Công ty Moorim P&P Co., LTD Korea	8.743.412.640	8.743.412.640	-	-
- Công ty Central National Gottesman Europe GmbH Russia	4.700.757.251	4.700.757.251	-	-
- Công ty NP International (S) Pte Ltd Singapore	4.111.516.357	4.111.516.357	40.819.579.434	40.819.579.434
- Pearson Education South Asia Pte Co., Ltd	3.792.919.394	3.792.919.394	3.781.570.193	3.781.570.193
- Công ty Mitsubishi Shoji Packaging Corporation Japan	3.107.324.029	3.107.324.029	37.034.180.067	37.034.180.067
- Các nhà cung cấp khác	32.817.445.921	32.817.445.921	33.438.840.865	33.438.840.865
Cộng	69.492.500.413	69.492.500.413	115.074.170.559	115.074.170.559

Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Pearson Education South Asia Pte Co., Ltd	3.792.919.394	3.792.919.394	3.781.570.193	3.781.570.193
- Nhà Xuất Bản Văn Hóa - Văn Nghệ TP.HCM	317.963.451	317.963.451	317.963.451	317.963.451
Cộng	4.110.882.845	4.110.882.845	4.099.533.644	4.099.533.644

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Các khách hàng là bên thứ 3		
- Công ty Cổ phần In Tổng hợp Cần Thơ	11.715.661.946	10.832.881.806
- Các khách hàng khác	956.526.472	508.159.118
Cộng	12.672.188.418	11.341.040.924

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Thuế giá trị gia tăng	3.120.402.613	3.120.402.613	10.125.765	10.125.765
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.315.515.575	8.315.515.575	13.860.946.304	13.860.946.304
- Thuế thu nhập cá nhân	174.287.030	174.287.030	173.724.683	173.724.683
- Thuế đất	981.200.960	981.200.960	901.000.800	901.000.800
- Phải trả thuế bị truy thu, phạt nộp chậm	-	-	10.980.769.849	10.980.769.849
Cộng	12.591.406.178	12.591.406.178	25.926.567.401	25.926.567.401

Quyết toán thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.17 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Kinh phí công đoàn	235.925.507	252.938.091
Bảo hiểm bắt buộc	-	214.011.446
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	212.400.000	258.988.000
Phải trả khác	10.592.809.059	1.281.947.799
- Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan	513.400.000	-
- Bùi Quang Minh	513.400.000	-
- Phải trả ngắn hạn khác các bên độc lập	10.079.409.059	1.281.947.799
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ (i)	8.723.904.110	224.958.904
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây Sài Gòn	971.338.167	655.619.168
- Các khoản Phải trả ngắn hạn khác	384.166.782	401.369.727
Cộng	11.041.134.566	2.007.885.336

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.18 Vay và nợ thuê tài chính**a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	01/01/2019 (VND)	Tăng trong năm (VND)	Giảm trong năm (VND)	31/12/2019 (VND)
Vay ngân hàng	183.790.639.488	639.269.650.050	(514.255.339.111)	308.804.950.427
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây Sài Gòn (1)	171.938.233.092	543.051.304.611	(464.990.395.401)	249.999.142.302
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hưng Đạo - Tp. Hồ Chí Minh (2)	11.852.406.396	96.218.345.439	(49.264.943.710)	58.805.808.125
Vay đối tượng khác	4.000.000.000	4.300.000.000	(8.300.000.000)	-
- Nguyễn Ngọc Hiền	4.000.000.000	2.800.000.000	(6.800.000.000)	-
- Nguyễn Thị Thu	-	700.000.000	(700.000.000)	-
- Bùi Quang Mẫn	-	800.000.000	(800.000.000)	-
Cộng	187.790.639.488	643.569.650.050	(522.555.339.111)	308.804.950.427

(1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 66/2018/2317695/HĐTD ngày 02/08/2018 với hạn mức vay 500.000.000.000 đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, thời hạn cấp hạn mức từ ngày hợp đồng đến ngày 30/04/2019, lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản tối thiểu 50% tổng dư nợ, bảo lãnh và phát hành L/C tại mọi thời điểm. Tài sản đảm bảo tối thiểu 50% tổng dư nợ, bảo lãnh (sau quy đổi) và phát hành L/C tại mọi thời điểm.

(2) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hưng Đạo theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số LD1819300589 ngày 18/07/2018 với hạn mức vay 38.261.000.000 đồng và hạn mức LC trả ngay là 3.000.000,00 USD với mục đích bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản là Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ 444/86/5 Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của ông Bùi Quang Mẫn - bà Nguyễn Thị Thu; hàng hóa là giấy các loại thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực - giấy nhập khẩu hoặc mua nội địa thanh toán trực tiếp qua Sacombank chi nhánh Hưng Đạo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn				
	01/01/2019	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2019
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
- Công ty Cổ phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông (1)	8.000.000.000	4.300.000.000	(12.300.000.000)	-
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Giáo Dục Hoàng Việt (2)	3.150.000.000	-	(3.150.000.000)	-
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ (3)	12.700.000.000	23.800.000.000	(27.500.000.000)	9.000.000.000
Cộng	23.850.000.000	28.100.000.000	(42.950.000.000)	9.000.000.000

(1) Khoản vay tín chấp Công ty Cổ phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông theo Hợp đồng vay vốn số 27/09/HĐVV/2018/GIẤY-TOÀN LỰC ngày 27/09/2018, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 7%/năm.

(2) Khoản vay tín chấp Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt theo Hợp đồng vay vốn số 0808/HĐVV/2018/GIẤY - TOÀN LỰC ngày 08/08/2018, mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 7%/năm.

(3) Khoản vay tín chấp Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ theo Hợp đồng vay số 001/HĐVV/2017/VĐ-GTL ngày 01/02/2017 và Hợp đồng vay vốn số 08/08/HĐVV/2018/GIẤY-TOÀN LỰC ngày 08/08/2018, mục đích bổ sung vốn lưu động thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 7%/năm.

5.19 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm 2019	Năm 2018
	(VND)	(VND)
Số dư đầu năm	1.507.961.092	1.492.985.622
Tăng do trích lập lợi nhuận trong năm	500.000.000	500.000.000
Tăng khác trong năm	8.121.000	-
Giảm trong năm	(521.703.669)	(485.024.530)
Số dư cuối năm	1.494.378.423	1.507.961.092

5.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	Năm 2019	Năm 2018
	(VND)	(VND)
Số đầu năm	8.076.457	459.246.267
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	8.076.457
Khoản hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(8.076.457)	(459.246.267)
Số cuối năm	-	8.076.457

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.21 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Vốn khác của chủ sở hữu (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (VND)	Cộng (VND)
01/01/2018	255.227.670.000	3.254.265.000	2.967.606.986	15.324.659.007	105.844.658	105.113.042.391	53.291.160.439	435.284.248.481
Chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm trước	25.511.720.000	-	-	-	-	(25.511.720.000)	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	13.570.325.940	14.736.486.524	28.306.812.464
Trích quỹ phúc lợi trong năm trước	-	-	-	-	-	(500.000.000)	-	(500.000.000)
31/12/2018	280.739.390.000	3.254.265.000	2.967.606.986	15.324.659.007	105.844.658	92.671.648.331	68.027.646.964	463.091.060.945
01/01/2019	280.739.390.000	3.254.265.000	2.967.606.986	15.324.659.007	105.844.658	92.671.648.331	68.027.646.964	463.091.060.945
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	1.364.976.845	15.790.743.093	17.155.719.938
Trích quỹ phúc lợi trong năm nay	-	-	-	-	-	(500.000.000)	-	(500.000.000)
31/12/2019	280.739.390.000	3.254.265.000	2.967.606.986	15.324.659.007	105.844.658	93.536.625.176	83.818.390.057	479.746.780.884

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỆT ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
	(VND)	(VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.037.939	28.037.939
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	28.037.939	28.037.939
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.037.939	28.037.939
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.037.939	28.037.939
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.037.939	28.037.939

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018
	(VND)	(VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	280.739.390.000	280.739.390.000
Vốn góp đầu năm	280.739.390.000	255.227.670.000
Vốn góp tăng trong năm	-	25.511.720.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	280.739.390.000	280.739.390.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	25.511.720.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	25.511.720.000

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT HỢP NHẤT**6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019	Năm 2018
	(VND)	(VND)
Tổng doanh thu	1.052.513.311.148	864.513.311.921
- Doanh thu bán hàng hóa	864.014.129.019	645.468.931.791
- Doanh thu bán thành phẩm	185.649.166.060	214.436.358.213
- Doanh thu bán vật tư	-	25.893.380
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.850.016.069	4.582.128.537
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Doanh thu thuần	1.052.513.311.148	864.513.311.921

Doanh thu đối với các bên liên quan

	Năm 2019	Năm 2018
	(VND)	(VND)
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn Hóa Tây Đô	104.523.569	216.041.338
- Công ty Cổ phần Thương Mại Toàn Lực	1.182.836.800	16.881.996.360
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	-	66.664.500
Cộng	1.287.360.369	17.164.702.198

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỆT ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
- Giá vốn hàng hóa	809.402.476.808	598.697.477.981
- Giá vốn thành phẩm	162.027.799.503	192.577.138.745
- Giá vốn vật tư	-	-
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	605.792.993
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.525.737.224)	(486.877.857)
Cộng	969.904.539.087	791.393.531.862

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
- Lãi tiền gửi ngân hàng	5.005.086.866	10.122.469.139
- Lãi cho vay	2.388.883.779	3.107.786.739
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.509.952.112	8.190.390.920
- Lãi từ chuyển nhượng cổ phần	-	400.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	146.738.711	146.435.234
- Chi phí tài chính khác	1.865	-
Cộng	16.050.663.333	21.967.082.032

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
- Chi phí lãi vay	15.934.267.134	8.006.195.219
- Hoàn nhập/trích chi phí dự phòng	(2.892.747.760)	(3.944.269.200)
- Lỗ từ chuyển nhượng cổ phần	794.680.851	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.728.041.413	5.729.855.455
Cộng	15.564.241.638	9.791.781.474

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
- Chi phí nhân viên bán hàng	1.440.914.536	1.361.566.103
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.963.991.208	-
- Chi phí bằng tiền khác	7.350.713.697	3.417.819.157
Cộng	11.755.619.441	4.779.385.260

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
- Chi phí nhân viên quản lý	10.881.544.325	12.713.412.788
- Chi phí đồ dùng, vật liệu quản lý	3.114.320.180	2.553.230.621
- Chi phí khấu hao TSCĐ	6.977.085.787	4.784.982.954
- Thuế, phí và lệ phí	2.233.977.984	1.877.798.005
- Hoàn nhập/trích chi phí dự phòng	9.495.886.896	4.259.383.534
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.558.488.943	8.521.796.435
- Chi phí bằng tiền khác	2.915.413.104	5.177.143.467
Cộng	48.176.717.219	39.887.747.804

6.7. Thu nhập khác

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
- Thu bồi thường bảo hiểm	27.240.203	262.817.494
- Thu tiền trả lại của Công ty NP International (S) Pte.Ltd	878.384.925	-
- Thu nhập khác	83.881.133	144.968.761
Cộng	989.506.261	407.786.255

6.8. Chi phí khác

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
- Nộp phạt vi phạm hành chính	320.326.008	292.512.069
- Tiền thuê đất bổ sung cho giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2014 theo thông báo 15794/TB-TB&TK ngày 18/04/2018	4.299.338.965	4.933.774.000
- Chi phí khác	71.436	11.123.487
Cộng	4.619.736.409	5.237.409.556

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
- Chi phí nhân viên	191.212.625.983	16.812.401.097
Chi phí nguyên vật liệu, đồ dùng	10.245.555.298	192.699.908.721
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.977.085.787	4.784.982.954
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.876.193.848	12.545.408.585
- Chi phí bằng tiền khác	4.316.337.015	6.581.602.537
Cộng	235.627.797.931	233.424.303.894

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
- Phát sinh tại công ty mẹ	1.679.890.546	994.530.158
- Phát sinh tại công ty con	9.539.022.746	9.542.569.840
Cộng	11.218.913.292	10.537.099.998

6.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(40.382.285)	(2.255.849.050)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(8.076.457)	(451.169.810)

6.12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.364.976.845	13.570.325.940
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(500.000.000)	(500.000.000)
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	(500.000.000)	(500.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	864.976.845	13.070.325.940
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	28.037.939	25.543.727
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	512

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**7.1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm, các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Cổ tức nhận được trước giai đoạn trước đầu tư	1.715.000.000	-
Lãi cho vay chưa thu được bằng tiền	6.941.476.213	1.973.332.159
Lãi tiền gửi ngân hàng chưa thu được bằng tiền	1.918.934.795	-
Mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác chưa thanh toán	1.546.122.630	4.512.098.320
Chi phí lãi vay chưa trả	1.698.703.339	1.441.870.500
Lãi nhập vốn	254.530.123	-

8 THÔNG TIN KHÁC**8.1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và các thông tin tài chính khác: không có****8.2. Thông tin về các bên có liên quan*****Các bên liên quan:***

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Chè Lâm Đồng	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Nghịệp vụ với thành viên chủ chốt:

Trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Mượn tiền	513.400.000	-

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Lương thưởng của Ban Tổng Giám đốc	1.364.322.424	1.302.809.421
Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị	108.000.000	432.000.000
Cộng	1.472.322.424	1.734.809.421

Số dư với thành viên chủ chốt:

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các thành viên chủ chốt được thể hiện như sau:

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Phải trả khác	513.400.000	-
Cộng nợ phải trả	513.400.000	-

Nghịệp vụ với các bên liên quan:

Trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Bán hàng hóa		
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	104.523.569	216.041.338
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	1.182.836.800	16.881.996.360
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	-	66.664.500
Mua hàng hóa của bên liên quan		
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	3.070.477.710	67.461.320.875
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	-	94.742.228
Cổ tức được chia		
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	3.270.052.112	2.373.424.920
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	3.187.500.000	-

Số dư với các bên liên quan:

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Phải thu tiền hàng		
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	30.304.796.481	30.952.010.101
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	5.211.863	-
Trả trước tiền hàng		
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	6.283.865.975	3.811.181.318
Cộng nợ phải thu	36.593.874.319	34.763.191.419

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

8.3. Công cụ tài chính

Nhóm Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Nhóm Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Nhóm Công ty.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Nhóm Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Nhóm Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Nhóm Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỆT ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Nhóm Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Nhóm Công ty theo chính sách của Nhóm Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Nhóm Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Nhóm Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Nhóm Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm (VND)	Từ 1 năm trở lên (VND)	Tổng cộng (VND)
31/12/2019			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.755.837.853	-	33.755.837.853
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	63.738.807.671	420.000.000	64.158.807.671
Phải thu khách hàng	272.242.849.783	-	272.242.849.783
Các khoản phải thu khác	15.569.699.869	-	15.569.699.869
Phải thu về cho vay dài hạn	-	37.826.275.919	37.826.275.919
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng	(44.154.516.702)	-	(44.154.516.702)
Tổng cộng	341.152.678.474	38.246.275.919	379.398.954.393

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Dưới 1 năm (VND)	Từ 1 năm trở lên (VND)	Tổng cộng (VND)
31/12/2019			
Phải trả cho người bán	69.492.500.413	-	69.492.500.413
Phải trả khác	11.041.134.566	-	11.041.134.566
Chi phí phải trả	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính	308.804.950.427	9.000.000.000	317.804.950.427
Tổng cộng	389.338.585.406	9.000.000.000	398.338.585.406
Chênh lệch thanh khoản	(48.185.906.932)	29.246.275.919	(18.939.631.013)
01/01/2019			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.732.865.879	-	40.732.865.879
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	81.735.861.111	420.000.000	82.155.861.111
Phải thu khách hàng	245.843.644.403	-	245.843.644.403
Phải thu về cho vay	8.755.159.414	-	8.755.159.414
Các khoản phải thu khác	0	39.260.000.000	39.260.000.000
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng	(34.762.846.496)	-	(34.762.846.496)
Tổng cộng	342.304.684.311	39.680.000.000	381.984.684.311
01/01/2019			
Phải trả cho người bán	115.074.170.559	-	115.074.170.559
Phải trả khác	2.007.885.336	-	2.007.885.336
Chi phí phải trả	832.904.110	-	832.904.110
Vay và nợ thuê tài chính	187.790.639.488	23.850.000.000	211.640.639.488
Tổng cộng	305.705.599.493	23.850.000.000	329.555.599.493
Chênh lệch thanh khoản	36.599.084.818	15.830.000.000	52.429.084.818

Nhóm Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Nhóm Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng

	Giá trị kế toán		Giá trị hợp lý	
	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.755.837.853	40.732.865.879	33.755.837.853	40.732.865.879
Chứng khoán kinh doanh	64.158.807.671	82.155.861.111	64.158.807.671	82.155.861.111
Phải thu khách hàng	272.242.849.783	245.843.644.403	228.218.333.081	211.210.797.907
Các khoản phải thu khác	15.569.699.869	8.755.159.414	15.439.699.869	8.625.159.414
Phải thu về cho vay	37.826.275.919	39.260.000.000	37.826.275.919	39.260.000.000
Tổng cộng	423.553.471.095	416.747.530.807	379.398.954.393	381.984.684.311
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	69.492.500.413	115.074.170.559	69.492.500.413	115.074.170.559
Chi phí phải trả	-	832.904.110	-	832.904.110
Phải trả khác	11.041.134.566	2.007.885.336	11.041.134.566	2.007.885.336
Vay và nợ thuê tài chính	317.804.950.427	211.640.639.488	317.804.950.427	211.640.639.488
Tổng cộng	398.338.585.406	329.555.599.493	398.338.585.406	329.555.599.493

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2019 và ngày 01/01/2019. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8.4. Tính hoạt động liên tục của Nhóm Công ty

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Nhóm Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

8.5. Thông tin về bộ phận

Nhóm Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: lĩnh vực thương mại - bán hàng hóa và thành phẩm. Chi tiết báo cáo bộ phận theo từng ngành nghề như sau:

	Bán hàng hóa, thành phẩm, vật tư (VND)	Dịch vụ (VND)	Năm 2019 (VND)
Doanh thu thuần theo bộ phận	1.049.663.295.079	2.850.016.069	1.052.513.311.148
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(969.904.539.087)	-	(969.904.539.087)
Lợi nhuận gộp theo bộ phận	79.758.755.992	2.850.016.069	82.608.772.061
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(59.932.336.660)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			22.676.435.401
Doanh thu tài chính			16.050.663.333
Chi phí tài chính			(15.564.241.638)
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			8.833.929.825
Thu nhập khác			989.506.261
Chi phí khác			(4.619.736.409)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(11.218.913.292)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			8.076.457
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			17.155.719.938

8.6. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán được trình bày lại để đảm bảo phù hợp với hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp tại Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 – Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót liên quan đến thuế và các khoản phải nộp Nhà nước bị truy thu theo Quyết định về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế số 2091/QĐ-CT ngày 25/04/2019 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh. Chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Chỉ tiêu	Số liệu tại ngày 31/12/2018 trên BCTC đã được kiểm toán	Số liệu thay đổi tăng/ giảm	Số liệu tại ngày 01/01/2019 trên BCTC đã được trình bày lại
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	111.611.130.683	(18.939.482.352)	92.671.648.331
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.987.085.049	18.939.482.352	25.926.567.401

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

8.7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán (ngày 31 tháng 12 năm 2019) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 27 tháng 03 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Thủy Tiên

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thủy Tiên

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Quang Minh



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG**

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 6
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	7 - 8
3. Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	9 - 12
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	13
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	14 - 15
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	16 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0300377536 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất (lần thứ 14) vào ngày 19 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 280.739.390.000 đồng (Hai trăm tám mươi tỷ bảy trăm ba mươi chín triệu đồng ba trăm chín mươi nghìn đồng).

Mã chứng khoán của Công ty là VID.

Hoạt động của Công ty là:

- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất giấy vệ sinh, băng vệ sinh, khăn giấy; Các sản phẩm khác từ giấy; Gia công, sản xuất bao bì giấy; Gia công: giấy vệ sinh, khăn giấy (trừ sản xuất bột giấy, tái chế phế thải tại trụ sở);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh giấy vệ sinh, băng vệ sinh, khăn giấy; Các sản phẩm khác từ giấy; Vật tư, thiết bị ngành giấy; Xuất nhập khẩu : các loại giấy, vật tư, thiết bị ngành giấy. Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với pháp luật quy định. Mua bán vật tư ngành in, nguyên liệu ngành sản xuất thuốc lá, giấy, dầu lọc, màng nhôm, màng nhựa. Mua bán sản phẩm bao bì, nhãn mác, hộp, vật tư, thiết bị ngành in;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế thiết bị sản xuất giấy;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế tạo, gia công thiết bị sản xuất giấy; Vật tư, thiết bị ngành giấy; Gia công, sản xuất bao bì nhôm, nhựa (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị sản xuất giấy (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- In ấn. Chi tiết: In bao bì; In nhãn mác, catalog, tờ rơi, tờ gấp giới thiệu sản phẩm hàng hóa; hướng dẫn sử dụng thiết bị, công cụ và sản phẩm tiêu dùng; biểu mẫu, văn hóa phẩm và giấy tờ giao dịch hành chính của các doanh nghiệp; giấy tờ quản lý kinh tế-xã hội (trừ in tráng bao bì kim loại, in trên sản phẩm vải, sợi, dệt, may đan tại trụ sở);
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán hàng nông sản, sản phẩm chế biến từ nông sản (Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân Tp. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà. Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn tự động phục vụ, quán ăn nhanh có phục vụ đồ ăn mang về, xe bán hàng ăn lưu động (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở);
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo nghề. Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở). Dạy nghề;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở);
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật (trừ hoạt động sân khấu);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (có nội dung được phép lưu hành);
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ sản xuất giấy;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: sửa chữa thiết bị sản xuất giấy (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh);
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác (trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng);
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao. Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở tổ chức các sự kiện thể thao trong nhà hoặc ngoài trời (sân vận động bóng đá) (trừ hoạt động của các sân khấu);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...). Chi tiết: hoạt động cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng nhân các sự kiện như phục vụ tiệc, hội nghị, tiệc gia đình, đám cưới hoặc hợp đồng dịch vụ ăn uống, phục vụ ăn uống cho các sự kiện thể thao, hội nghị hoặc tương tự, cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng tại địa điểm mà khách hàng yêu cầu nhân các công việc của họ như tiệc hội nghị cơ quan, doanh nghiệp, đám cưới, các công việc gia đình khác;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Dịch vụ ăn uống khác. Chi tiết: hoạt động cung cấp dịch vụ ăn uống cho các sự kiện trong một khoảng thời gian cụ thể; Đồ ăn thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng; cung cấp suất ăn theo hợp đồng; hoạt động của các căng tin và nhà hàng tự phục vụ trên cơ sở nhượng quyền (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống. Chi tiết: hoạt động chế biến và phục vụ đồ uống cho khách hàng tiêu dùng tại chỗ, quán giải khát, hàng bia, quán cà phê, nước hoa quả, giải khát, dịch vụ đồ uống khác như: nước mía, nước sinh tố, quán chè, xe bán rong đồ uống (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ).

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Bùi Quang Mẫn	Chủ tịch – người đại diện theo pháp luật
- Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Chủ tịch
- Ông Trần Hoàng Nghĩa	Thành viên
- Ông Bùi Quang Khoa	Thành viên
- Bà Phạm Thị Như Ngọc	Thành viên độc lập
- Ông Châu Minh Thiện	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 25/04/2019)

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Lê Thị Minh Giang	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 27/05/2019)
- Ông Võ Trần Quốc	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 25/04/2019)
- Ông Phạm Như Bách	Thành viên
- Ông Nguyễn Minh Hùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01/10/2019)

Ban Tổng Giám đốc Công ty và Kế toán trưởng đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Bùi Quang Minh	Tổng Giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Bùi Quang Khoa	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Bùi Văn Thủy	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 01/10/2019)
- Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 01/10/2019)

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán đính kèm.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng, không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông phê duyệt Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2020

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Quang Minh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2020

THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bùi Quang Mẫn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Số: 054/2020/BCKT-PKF.HCMC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông, được lập ngày 27 tháng 03 năm 2020, từ trang 09 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam.



Trương Quang Trung

Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1752-2018-242-1

Nguyễn Thị Hoàng Vân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1561-2017-242-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41.711.631.069	79.898.139.511
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	885.703.818	1.685.149.573
Tiền	111		885.703.818	1.685.149.573
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.974.675.833	62.759.736.501
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	59.149.991.358	82.358.157.785
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.447.052.019	7.765.396.093
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	10.964.433.499	10.711.658.965
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.5	(36.586.801.043)	(38.075.476.342)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.6	53.113.755	10.902.537.679
Hàng tồn kho	141		3.918.693.920	16.293.855.068
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(3.865.580.165)	(5.391.317.389)
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.798.137.663	4.550.715.758
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7a	357.843.667	586.746.877
Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.440.293.996	3.787.787.188
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	-	176.181.693
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		360.910.614.029	337.841.447.485
Các khoản phải thu dài hạn	210		47.357.617.289	85.200.000.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.8	47.357.617.289	85.200.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		37.219.373.470	28.096.895.777
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	37.077.552.020	27.883.383.651
- Nguyên giá	222		71.766.350.859	57.158.384.420
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(34.688.798.839)	(29.275.000.769)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	141.821.450	213.512.126
- Nguyên giá	228		452.034.723	452.034.723
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(310.213.273)	(238.522.597)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		14.902.584.134	4.964.763.455
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí XDCB dở dang	242	5.11	14.902.584.134	4.964.763.455
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	255.931.254.535	211.140.488.778
Đầu tư vào công ty con	251		95.529.856.500	95.529.856.500
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		150.804.047.589	149.151.228.440
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		41.044.500.000	17.587.500.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(31.447.149.554)	(51.128.096.162)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		5.499.784.601	8.439.299.475
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7b	5.499.784.601	8.439.299.475
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		402.622.245.098	417.739.586.996

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
NỢ PHẢI TRẢ	300		21.706.487.973	38.954.469.295
Nợ ngắn hạn	310		21.706.487.973	38.954.469.295
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	6.535.792.111	9.741.310.489
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		190.224.707	194.286.683
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	2.644.220.554	21.146.893.806
Phải trả người lao động	314		1.286.100.000	1.263.064.002
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	193.600.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	9.555.772.178	907.353.223
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	-	4.000.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.17	1.494.378.423	1.507.961.092
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIÊN ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		380.915.757.125	378.785.117.702
Vốn chủ sở hữu	410	5.18	380.915.757.125	378.785.117.702
Vốn góp của chủ sở hữu	411		280.739.390.000	280.739.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		280.739.390.000	280.739.390.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.254.265.000	3.254.265.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.967.606.986	2.967.606.986
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		15.324.659.007	15.324.659.007
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		105.844.658	105.844.658
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		78.523.991.474	76.393.352.051
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		75.893.352.051	65.018.708.635
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.630.639.423	11.374.643.416
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		402.622.245.098	417.739.586.996

Ngày 27 tháng 03 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thủy Tiên

Nguyễn Thị Thủy Tiên

Bùi Quang Minh



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	15.572.206.957	42.955.613.853
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	15.572.206.957	42.955.613.853
Giá vốn hàng bán	11	6.2	10.890.939.792	37.474.011.995
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.681.267.165	5.481.601.858
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	13.186.348.467	19.502.266.978
Chi phí tài chính	22	6.4	(18.714.381.706)	(18.208.980.127)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		148.811.946	210.208.289
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	27.701.480.501	25.767.111.642
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.880.516.837	17.425.737.321
Thu nhập khác	31	6.6	11.125.765	49.339.133
Chi phí khác	32	6.7	4.581.112.633	5.105.902.881
Lợi nhuận khác	40		(4.569.986.868)	(5.056.563.748)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.310.529.969	12.369.173.573
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.9	1.679.890.546	994.530.158
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.630.639.423	11.374.643.416

Ngày 27 tháng 03 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Thủy Tiên

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thủy Tiên

TỔNG GIÁM ĐỐC




Bùi Quang Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	4.310.529.969	12.369.173.573
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5.485.488.746	3.436.309.422
- Các khoản dự phòng	03	(22.695.359.131)	(20.441.368.210)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.585.265.751)	(19.480.101.919)
- Chi phí lãi vay	06	148.821.111	210.208.289
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(24.335.785.056)	(23.905.778.844)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	29.740.155.801	(14.718.773.897)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	12.375.161.148	(1.996.122.381)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.859.584.768)	4.846.746.568
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.168.418.084	(2.578.646.854)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(118.596.453)	(210.208.289)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.084.929.088)	(9.351.153.598)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	8.121.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(521.703.669)	(485.024.530)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.371.256.999	(48.398.961.824)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(27.511.762.808)	(17.482.520.128)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.270.000.000)	(58.640.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	41.112.382.711	112.540.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(28.359.500.000)	(100.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	740.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.118.177.343	15.513.208.471
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.170.702.754)	51.830.688.343

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	4.300.000.000	4.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(8.300.000.000)	(7.900.000.000)
Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.000.000.000)	(3.900.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.685.149.573	2.153.423.054
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	885.703.818	1.685.149.573

Ngày 27 tháng 03 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Thị Thủy Tiên

Nguyễn Thị Thủy Tiên

Bùi Quang Minh



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0300377536 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất (lần thứ 14) vào ngày 19 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:			
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	51,03%	51,03%	51,03%
Công ty liên kết, liên doanh:			
Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	33,27%	33,27%	33,27%
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	32,98%	32,98%	32,98%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	28,33%	28,33%	28,33%
Công ty Cổ phần Chè Lâm Đồng	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	27,04%	27,04%	27,04%

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Bình Dương	Số 15, đường N3, khu công nghiệp Sóng Thần 3, khu 1, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính riêng này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- | | |
|-------------------|---------------------|
| - Nguyên vật liệu | Bình quân gia quyền |
| - Thành phẩm | Bình quân gia quyền |
| - Hàng hóa | Bình quân gia quyền |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư 48/2019/TT-BTC ban hành ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm
- Tài sản cố định khác	03 năm

4.7. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.9. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Công ty con là công ty mà Công ty có quyền chi phối các chính sách và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

4.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.11. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt

4.15. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.16. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

4.17. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Văn phòng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Thuế suất ưu đãi, miễn giảm áp dụng cho Chi nhánh Bình Dương căn cứ Điều 7 của Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000299 ngày 22 tháng 10 năm 2007 do Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp, cụ thể như sau:

- Chi nhánh được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.
- Chi nhánh được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 15% trong 12 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế.
- Năm 2019 là năm thứ chín Chi nhánh áp dụng điều khoản hưởng miễn giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp với thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 15%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính riêng và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4.20. Lãi/Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
	(VND)	(VND)
Tiền mặt	45.289.516	124.540.872
Tiền gửi ngân hàng	840.414.302	1.560.608.701
Cộng	885.703.818	1.685.149.573

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
	(VND)	(VND)
<i>Phải thu khách hàng là bên liên quan</i>	39.738.807.673	70.960.106.292
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	30.253.020.801	30.673.164.801
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	9.480.575.009	40.286.941.491
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	5.211.863	-
<i>Phải thu khách hàng là bên thứ ba</i>	19.411.183.685	11.398.051.493
- Công Ty Cổ Phần Tac Paritas	8.057.389.791	22.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Sao Mai Vi Na	9.707.145.003	9.722.145.003
- Các khách hàng khác	1.646.648.891	1.653.906.490
Cộng	59.149.991.358	82.358.157.785

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2019	01/01/2019
	(VND)	(VND)
<i>Các nhà cung cấp là bên liên quan</i>	-	1.981.770.391
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	-	1.981.770.391
<i>Các nhà cung cấp độc lập</i>	1.447.052.019	5.783.625.702
- Công ty TNHH Thương mại NT AK	-	3.448.691.808
- DNTN Nội thất Văn phòng TAV	-	337.493.250
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Ngô Viết	528.000.000	528.000.000
- Công ty TNHH Công Viên Cây Xanh Sa Đéc	328.376.700	328.376.700
- Các nhà cung cấp khác	590.675.319	1.141.063.944
Cộng	1.447.052.019	7.765.396.093

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.4 Phải thu khác

Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	82.129.400	-	439.669.000	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	60.000.000	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	1.636.785	-	-	-
Phải thu khác	10.880.667.314	130.000.000	10.211.989.965	130.000.000
<i>Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan</i>	1.493.289.863	-	4.905.404.383	-
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	1.493.289.863	-	4.905.404.383	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác các bên độc lập</i>	9.387.377.451	130.000.000	5.306.585.582	130.000.000
- Công ty TNHH Tac Paritas	7.342.796.761	-	4.953.912.982	-
- Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt	1.305.148.800	-	-	-
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	356.622.378	-	-	-
- Các đối tượng khác	382.809.512	130.000.000	352.672.600	130.000.000
Cộng	10.964.433.499	130.000.000	10.711.658.965	130.000.000

5.5 Nợ xấu

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:				
- Từ 03 năm trở lên	25.276.092.506	-	20.927.677.245	-
- Từ 02 đến dưới 03 năm	13.867.116.573	4.160.134.972	12.913.216.037	3.873.964.811
- Từ 01 đến dưới 02 năm	3.133.911.391	1.566.955.696	14.237.748.910	7.118.874.455
- Dưới 01 năm	122.570.800	85.799.560	3.298.911.391	2.309.237.975
Cộng	42.399.691.270	5.812.890.227	51.377.553.583	13.302.077.241

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Số đầu năm	38.075.476.342	39.508.445.209
Trích lập dự phòng trong năm	7.028.857.814	81.948.753
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(8.517.533.113)	(1.514.917.620)
Số cuối năm	36.586.801.043	38.075.476.342

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng ^(*)	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	1.148.749.732	1.148.749.732
Hàng hóa	3.918.693.920	3.865.580.165	15.145.105.336	4.242.567.657
Cộng	3.918.693.920	3.865.580.165	16.293.855.068	5.391.317.389

Tình hình biến động các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Số đầu năm	5.391.317.389	5.878.195.246
Trích lập dự phòng trong năm	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.525.737.224)	(486.877.857)
Số cuối năm	3.865.580.165	5.391.317.389

5.7 Chi phí trả trước

a Chi phí trả trước ngắn hạn

	01/01/2019 (VND)	Tăng trong năm (VND)	Phân bổ chi phí trong năm (VND)	31/12/2019 (VND)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	257.959.241	815.796.974	(891.321.968)	182.434.247
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	328.787.636	880.021.670	(1.033.399.886)	175.409.420
Cộng	586.746.877	1.695.818.644	(1.924.721.854)	357.843.667

b Chi phí trả trước dài hạn

	01/01/2019 (VND)	Tăng trong năm (VND)	Phân bổ chi phí trong năm (VND)	31/12/2019 (VND)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	806.067.296	206.346.700	(489.196.152)	523.217.844
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.001.320.591	1.982.411.299	(3.744.370.929)	4.239.360.961
- Chi phí đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.631.911.588	-	(894.705.792)	737.205.796
Cộng	8.439.299.475	2.188.757.999	(5.128.272.873)	5.499.784.601

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.8 Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Bên vay là bên liên quan	47.357.617.289	85.200.000.000
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực (i)	19.031.341.370	45.940.000.000
Bên vay là bên độc lập	28.326.275.919	39.260.000.000
- Công ty TNHH Tac Paritas (i)	28.326.275.919	39.260.000.000
Cộng	47.357.617.289	85.200.000.000

(i) Chi tiết như sau:

Bên vay	Số hợp đồng	Ngày ký	Kỳ hạn	Lãi suất	Giá trị
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	Hợp đồng 01/HĐVV/VĐ-GTL ngày 01/02/2017 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay vốn số 01 ngày 30/01/2018	01/02/2017	Từ ngày 01/02/2017 đến ngày 31/12/2020	7%/năm	19.031.341.370
Công ty TNHH Tac Paritas	Hợp đồng 01/HĐVV/2017/VĐ-PA ngày 01/02/2017 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay vốn số 01 ngày 30/01/2018	01/02/2017	Từ ngày 01/02/2017 đến ngày 31/12/2020	7%/năm	28.326.275.919
					47.357.617.289

(*) Điều khoản đảm bảo cho các khoản vay trên là tín chấp.

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2019	44.578.006.045	5.886.448.517	4.442.627.715	2.251.302.143	57.158.384.420
Mua trong năm	1.757.777.000	98.181.819	-	171.266.364	2.027.225.183
Đầu tư XDCB hoàn thành	12.539.141.256	-	-	41.600.000	12.580.741.256
31/12/2019	58.874.924.301	5.984.630.336	4.442.627.715	2.464.168.507	71.766.350.859
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	12.236.552.042	4.747.834.336	4.129.257.715	501.833.802	21.615.477.895
Giá trị hao mòn					
01/01/2019	19.361.808.238	4.442.244.977	4.149.863.064	1.321.084.490	29.275.000.769
Khấu hao trong năm	4.196.862.918	754.356.499	45.657.000	416.921.653	5.413.798.070
31/12/2019	23.558.671.156	5.196.601.476	4.195.520.064	1.738.006.143	34.688.798.839
Giá trị còn lại					
01/01/2019	25.216.197.807	1.444.203.540	292.764.651	930.217.653	27.883.383.651
31/12/2019	35.316.253.145	788.028.860	247.107.651	726.162.364	37.077.552.020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	452.034.723	238.522.597	213.512.126
Tăng trong năm	-	71.690.676	
Giảm trong năm	-	-	
Số cuối năm	452.034.723	310.213.273	141.821.450

Tại ngày 31/12/2019, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 175.482.723 đồng.

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Chi phí xây dựng dự án trường học	14.902.584.134	-
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	2.380.263.304
Chi phí xây dựng dự án nhà hàng	-	2.584.500.151
Cộng	14.902.584.134	4.964.763.455

5.12 Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2019 (VND)			01/01/2019 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	95.529.856.500	7.468.074.072	(¹)	95.529.856.500	24.638.140.662	(¹)
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	95.529.856.500	7.468.074.072	(¹)	95.529.856.500	24.638.140.662	(¹)
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	150.804.047.589	23.641.575.482	(²)	149.151.228.440	26.152.455.500	(²)
- Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	30.000.000.000	-	(²)	30.000.000.000	-	(²)
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	33.745.517.000	5.761.275.482	27.984.241.518	33.745.517.000	7.477.455.500	26.268.061.500
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	14.841.400.000	-	(²)	14.841.400.000	-	(²)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	32.937.500.000	-	(²)	29.750.000.000	-	(²)
- Công ty Cổ phần Chè Lâm Đồng	34.530.319.149	17.880.300.000	16.650.019.149	36.065.000.000	18.675.000.000	17.390.000.000
- Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	4.749.311.440	-	(²)	4.749.311.440	-	(²)
Đầu tư vào công ty khác	41.044.500.000	337.500.000	(²)	17.587.500.000	337.500.000	(²)
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	16.350.000.000	-	(²)	16.350.000.000	-	(²)
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	23.941.000.000	-	(²)	800.000.000	-	(²)
- Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An	416.000.000	-	(²)	100.000.000	-	(²)
- Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt	337.500.000	337.500.000	(²)	337.500.000	337.500.000	(²)
Cộng	287.378.404.089	31.447.149.554	(²)	262.268.584.940	51.128.096.162	(²)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính của các Công ty trên và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.

Chi tiết các khoản đầu tư

	31/12/2019			01/01/2019		
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%) trong vốn điều lệ Công ty nhận đầu tư	Giá trị (VND)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%) trong vốn điều lệ Công ty nhận đầu tư	Giá trị (VND)
Đầu tư vào công ty con			95.529.856.500			95.529.856.500
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	4.898.967,00	51,03%	95.529.856.500	4.898.967,00	51,03%	95.529.856.500
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			150.804.047.589			149.151.228.440
- Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	3.000.000,00	30,00%	30.000.000.000	3.000.000,00	30,00%	30.000.000.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	3.502.408,20	33,27%	33.745.517.000	3.502.408,20	33,27%	33.745.517.000
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	1.484.140,00	32,98%	14.841.400.000	1.484.140,00	32,98%	14.841.400.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	956.250,00	28,33%	32.937.500.000	425.000,00	28,33%	29.750.000.000
- Công ty Cổ phần Chè Lâm Đồng	900.000,00	20,00%	34.530.319.149	940.000,00	20,89%	36.065.000.000
- Công ty Cổ phần Chè Minh Rạng	527.427,76	27,04%	4.749.311.440	527.427,76	27,04%	4.749.311.440
Đầu tư vào công ty khác			41.044.500.000			17.587.500.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	1.635.000,00	17,42%	16.350.000.000	1.635.000,00	17,42%	16.350.000.000
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	507.600,00	6,71%	23.941.000.000	80.000,00	1,27%	800.000.000
- Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An	41.600,00	13,87%	416.000.000	10.000,00	10,00%	100.000.000
- Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt	33.750,00	15,00%	337.500.000	33.750,00	15,00%	337.500.000
Cộng	-		287.378.404.089	-		262.268.584.940

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh trong kỳ như sau:

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Số đầu kỳ	51.128.096.162	69.649.617.647
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	337.500.000
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(19.680.946.607)	(18.859.021.485)
Số cuối kỳ	31.447.149.555	51.128.096.162

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các nhà cung cấp độc lập	6.535.792.111	6.535.792.111	9.741.310.489	9.741.310.489
- Pearson Education South Asia Pte Co., Ltd	3.792.919.394	3.792.919.394	3.781.570.193	3.781.570.193
- Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội	629.280.441	629.280.441	127.159.702	127.159.702
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vy Lượng	450.000.000	450.000.000	-	-
- Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng AVA	405.123.400	405.123.400	3.548.011.150	3.548.011.150
- Công ty TNHH Thương mại Nộ thất AK	383.311.590	383.311.590	-	-
- Nhà Xuất Bản Văn Hóa - Văn Nghệ TP.HCM	317.963.451	317.963.451	317.963.451	317.963.451
- Các nhà cung cấp khác	557.193.835	557.193.835	1.966.605.993	1.966.605.993
Cộng	6.535.792.111	6.535.792.111	9.741.310.489	9.741.310.489

Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Pearson Education South Asia Pte Co., Ltd	3.792.919.394	3.792.919.394	3.781.570.193	3.781.570.193
- Nhà Xuất Bản Văn Hóa - Văn Nghệ TP.HCM	317.963.451	317.963.451	317.963.451	317.963.451
Cộng	4.110.882.845	4.110.882.845	4.099.533.644	4.099.533.644

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	34.368.006	34.368.006
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.503.708.853	1.503.708.853	9.079.373.113	9.079.373.113
- Thuế thu nhập cá nhân	159.310.741	159.310.741	151.382.038	151.382.038
- Thuế đất	981.200.960	981.200.960	901.000.800	901.000.800
- Phải trả thuế bị truy thu, phạt nộp chậm	-	-	10.980.769.849	10.980.769.849
Cộng	2.644.220.554	2.644.220.554	21.146.893.806	21.146.893.806

Tình hình biến động của các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019 (VND)		Số phát sinh trong kỳ (VND)			31/12/2019 (VND)	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Khác	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT phải nộp	34.368.006	-	-	(24.242.241)	(10.125.765)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp - Văn phòng Công ty	9.079.373.113	-	-	(9.084.929.088)	5.555.975	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp - Chi nhánh Bình Dương	-	176.181.693	1.679.890.546	-	-	1.503.708.853	-
Thuế thu nhập cá nhân	151.382.038	-	334.658.381	(326.729.678)	-	159.310.741	-
Thuế đất	901.000.800	-	6.500.355.200	(6.420.155.040)	-	981.200.960	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-	-
Phải trả thuế bị truy thu, phạt nộp chậm	10.980.769.849	-	279.217.692	(11.259.987.541)	-	-	-
Cộng	21.146.893.806	176.181.693	8.794.121.819	(27.116.043.588)	(4.569.790)	2.644.220.554	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.15 Phải trả khác

Phải trả khác ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	(VND)	(VND)
Kinh phí công đoàn	139.514.262	150.387.291
Bảo hiểm bắt buộc	-	211.079.424
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	212.400.000	212.400.000
Phải trả khác	9.203.857.916	333.486.508
<i>Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan</i>	<i>513.400.000</i>	<i>-</i>
- Bùi Quang Minh	513.400.000	-
<i>Phải trả ngắn hạn khác các bên độc lập</i>	<i>8.690.457.916</i>	<i>333.486.508</i>
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ (i)	8.500.000.000	-
- Phải trả khoản giữ hộ	150.508.498	323.761.748
- Các khoản Phải trả ngắn hạn khác	39.949.418	9.724.760
Cộng	9.555.772.178	907.353.223

(i) Là khoản tạm ứng tiền cải tạo sửa chữa cơ sở vật chất trường học theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh về việc thành lập trường tiểu học - trung học số 01/HĐHT-VĐ-VA ngày 10/04/2019.

5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	01/01/2019	Tăng trong kỳ	Giảm trong năm	31/12/2019
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>4.000.000.000</i>	<i>4.300.000.000</i>	<i>(8.300.000.000)</i>	<i>-</i>
- Nguyễn Ngọc Hiền	4.000.000.000	2.800.000.000	(6.800.000.000)	-
- Nguyễn Thị Thu	-	700.000.000	(700.000.000)	-
- Bùi Quang Mẫn	-	800.000.000	(800.000.000)	-
Cộng	4.000.000.000	4.300.000.000	(8.300.000.000)	-

5.17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm 2019	Năm 2018
	(VND)	(VND)
Số đầu năm	1.507.961.092	1.492.985.622
Tăng do trích lập lợi nhuận trong kỳ	500.000.000	500.000.000
Tăng khác trong kỳ	8.121.000	-
Giảm trong kỳ	(521.703.669)	(485.024.530)
Số cuối năm	1.494.378.423	1.507.961.092

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.18 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Vốn khác của chủ sở hữu (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Tổng (VND)
01/01/2018	255.227.670.000	3.254.265.000	2.967.606.986	15.324.659.007	105.844.658	91.030.428.635	367.910.474.286
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	11.374.643.416	11.374.643.416
Chia cổ tức trong năm trước	25.511.720.000	-	-	-	-	(25.511.720.000)	-
Trích quỹ phúc lợi trong năm trước	-	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
31/12/2018	280.739.390.000	3.254.265.000	2.967.606.986	15.324.659.007	105.844.658	76.393.352.051	378.785.117.702
01/01/2019	280.739.390.000	3.254.265.000	2.967.606.986	15.324.659.007	105.844.658	76.393.352.051	378.785.117.702
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	2.630.639.423	2.630.639.423
Trích quỹ phúc lợi trong năm nay	-	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
31/12/2019	280.739.390.000	3.254.265.000	2.967.606.986	15.324.659.007	105.844.658	78.523.991.474	380.915.757.125

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	280.739.390.000	280.739.390.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	280.739.390.000	280.739.390.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	25.511.720.000

Cổ phiếu

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.073.939	28.073.939
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	28.073.939	28.073.939
- Cổ phiếu phổ thông	28.073.939	28.073.939
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.073.939	28.073.939
- Cổ phiếu phổ thông	28.073.939	28.073.939

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	12.722.190.888	38.347.591.936
Doanh thu bán vật tư	-	25.893.380
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.850.016.069	4.582.128.537
Tổng doanh thu thuần	15.572.206.957	42.955.613.853

Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn Hóa Tây Đô	104.523.569	216.041.338
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	4.563.024.319	39.011.582.935
- Công ty Cổ phần Thương Mại Toàn Lực	458.460.000	465.428.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	-	66.664.500
Cộng	5.126.007.888	39.759.716.773

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2019	Năm 2018
	(VND)	(VND)
- Giá vốn hàng hóa	12.416.677.016	37.355.096.859
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	605.792.993
- Hoàn nhập ự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.525.737.224)	(486.877.857)
Cộng	10.890.939.792	37.474.011.995

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
	(VND)	(VND)
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1.283.862	5.176.784.510
- Lãi cho vay (i)	4.675.110.628	5.712.933.588
- Cổ tức, lợi nhuận được chia (ii)	8.509.952.112	8.190.390.920
- Lãi từ chuyển nhượng cổ phần	-	400.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	-	22.157.960
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.865	-
Cộng	13.186.348.467	19.502.266.978

(i) Trong đó, lãi cho vay cho bên liên quan

	Năm 2019	Năm 2018
	(VND)	(VND)
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	2.286.226.849	2.605.146.848
Cộng	2.286.226.849	2.605.146.848

(ii) Cổ tức, lợi nhuận được chia từ bên liên quan

	Năm 2019	Năm 2018
	(VND)	(VND)
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	3.270.052.112	2.373.424.920
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	3.187.500.000	-
Cộng	6.457.552.112	2.373.424.920

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
	(VND)	(VND)
- Chi phí lãi vay	148.811.946	210.208.289
- Lỗ do thanh lý khoản đầu tư	794.680.851	-
- Hoàn nhập/trích chi phí dự phòng	(19.680.927.459)	(18.521.521.485)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	23.052.956	102.333.069
Cộng	(18.714.381.706)	(18.208.980.127)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019	Năm 2018
	(VND)	(VND)
- Chi phí nhân viên quản lý	7.960.284.369	10.120.188.708
- Chi phí đồ dùng, vật liệu quản lý	3.114.320.180	2.553.230.621
- Chi phí khấu hao TSCĐ	5.485.488.746	3.436.309.422
- Thuế, phí và lệ phí	2.230.977.984	1.877.297.189
- Hoàn nhập/trích chi phí dự phòng	(1.488.675.299)	(1.432.968.867)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.373.746.090	4.925.985.775
- Chi phí bằng tiền khác	2.025.338.431	4.287.068.794
Cộng	27.701.480.501	25.767.111.642

6.6. Thu nhập khác

	Năm 2019	Năm 2018
	(VND)	(VND)
- Thu nhập khác	11.125.765	49.339.133
Cộng	11.125.765	49.339.133

6.7. Chi phí khác

	Năm 2019	Năm 2018
	(VND)	(VND)
- Nộp phạt vi phạm hành chính	281.773.668	162.225.349
- Tiền thuê đất bổ sung cho giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2014	4.299.338.965	4.933.774.000
- Chi phí khác	-	9.903.532
Cộng	4.581.112.633	5.105.902.881

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019	Năm 2018
	(VND)	(VND)
- Chi phí nhân viên	7.960.284.369	10.120.188.708
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.114.320.180	2.553.230.621
- Chi phí khấu hao TSCĐ	5.485.488.746	3.436.309.422
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.373.746.090	4.925.985.775
- Chi phí bằng tiền khác	4.256.316.415	6.164.365.983
Cộng	29.190.155.800	27.200.080.509

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành – Văn phòng Công ty (i)	-	994.530.158
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành – Chi nhánh Bình Dương (ii)	1.679.890.546	-
Cộng	1.679.890.546	994.530.158

(i) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành – Văn phòng Công ty được dự tính như sau:

	Năm 2019 (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(4.088.922.762)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	(7.327.278.440)
- Điều chỉnh tăng	376.273.672
+ Chi phí không hợp lệ	281.773.672
+ Thù lao Hội đồng quản trị	94.500.000
- Điều chỉnh giảm	7.703.552.112
+ Cổ tức lợi nhuận được chia	7.703.552.112
Thu nhập tính thuế	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-

(ii) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành – Chi nhánh Bình Dương được dự tính như sau:

	Năm 2019 (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.399.452.731
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	-
- Điều chỉnh tăng	-
- Điều chỉnh giảm	-
Thu nhập tính thuế	8.399.452.731
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.679.890.546

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	(VND)	(VND)
Cổ tức nhận được trước giai đoạn đầu tư	1.715.000.000	-
Lãi cho vay chưa thu được bằng tiền	8.836.086.624	9.859.317.365
Mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác chưa thanh toán	1.546.122.630	4.512.098.320
Lãi vay chưa trả	30.224.658	-

8 THÔNG TIN KHÁC

8.1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán (ngày 31 tháng 12 năm 2019) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

8.2. Thông tin về các bên có liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2019	Năm 2018
	(VND)	(VND)
Lương thưởng của Ban Tổng Giám đốc	1.364.322.424	1.302.809.421
Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị	108.000.000	432.000.000
Cộng	1.472.322.424	1.734.809.421

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các thành viên chủ chốt như và các cá nhân có liên quan sau:

	Năm 2019
	(VND)
Vay	4.300.000.000
Mượn	513.400.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên chủ chốt như và các cá nhân có liên quan sau:

	31/12/2019	01/01/2019
	(VND)	(VND)
Phải trả khác	513.400.000	-
Cộng nợ phải trả	513.400.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Các bên liên quan

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	Công ty con
- Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Chè Lâm Đồng	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Bán hàng hóa		
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	104.523.569	216.041.338
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	4.563.024.319	39.011.582.935
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	458.460.000	465.428.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	-	66.664.500
Mua hàng hóa của bên liên quan		
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	-	12.649.808.080
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	-	16.416.568.360
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	-	94.742.228
Cho vay		
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	3.270.000.000	15.700.000.000
Thu nợ vay		
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	30.178.658.630	560.000.000
Lãi cho vay		
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	2.286.226.849	2.605.146.848
Cổ tức được chia		
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	3.270.052.112	2.373.424.920
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	3.187.500.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Số dư với các bên liên quan

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Phải thu tiền hàng		
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	30.253.020.801	30.673.164.801
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	9.480.575.009	40.286.941.491
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	5.211.863	-
Ứng trước tiền hàng		
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	-	1.981.770.391
Phải thu tiền cho vay		
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	19.031.341.370	45.940.000.000
Phải thu tiền lãi vay		
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	1.493.289.863	4.905.404.383
Phải thu tiền cổ tức		
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	-	817.985.560
Cộng nợ phải thu	60.263.438.906	123.787.281.066

8.3. Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm (VND)	Từ 1 năm trở lên (VND)	Tổng cộng (VND)
31/12/2019			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	885.703.818	-	885.703.818
Phải thu khách hàng	59.149.991.358	-	59.149.991.358
Các khoản phải thu khác	10.964.433.499	-	10.964.433.499
Phải thu về cho vay dài hạn	-	47.357.617.289	47.357.617.289
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(35.398.468.894)	-	(35.398.468.894)
Tổng cộng	35.601.659.781	47.357.617.289	82.959.277.070
31/12/2019			
Phải trả cho người bán	6.535.792.111	-	6.535.792.111
Phải trả khác	9.555.772.178	-	9.555.772.178
Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-
Tổng cộng	16.091.564.289	-	16.091.564.289
Chênh lệch thanh khoản thuần	19.510.095.492	47.357.617.289	66.867.712.781
01/01/2019			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.685.149.573	-	1.685.149.573
Phải thu khách hàng	82.358.157.785	-	82.358.157.785
Các khoản phải thu khác	10.711.658.965	-	10.711.658.965
Phải thu về cho vay dài hạn	-	85.200.000.000	85.200.000.000
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(36.991.360.883)	-	(36.991.360.883)
Tổng cộng	57.763.605.440	85.200.000.000	142.963.605.440
01/01/2019			
Phải trả cho người bán	9.741.310.489	-	9.741.310.489
Phải trả khác	907.353.223	-	907.353.223
Vay và nợ thuê tài chính	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Tổng cộng	14.648.663.712	-	14.648.663.712
Chênh lệch thanh khoản thuần	43.114.941.728	85.200.000.000	128.314.941.728

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng

	Giá trị kế toán		Giá trị hợp lý	
	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)	31/12/2018 (VND)	01/01/2019 (VND)
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	885.703.818	1.685.149.573	885.703.818	1.685.149.573
Phải thu khách hàng	59.149.991.358	82.358.157.785	23.881.522.464	45.496.796.902
Các khoản phải thu khác	10.964.433.499	10.711.658.965	10.834.433.499	10.581.658.965
Phải thu về cho vay dài hạn	47.357.617.289	85.200.000.000	47.357.617.289	85.200.000.000
Tổng cộng	118.357.745.964	179.954.966.323	82.959.277.070	142.963.605.440
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	6.535.792.111	9.741.310.489	6.535.792.111	9.741.310.489
Phải trả khác	9.555.772.178	907.353.223	9.555.772.178	907.353.223
Vay và nợ thuê tài chính	-	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Tổng cộng	16.091.564.289	14.648.663.712	16.091.564.289	14.648.663.712

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2019 và ngày 01/01/2019. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8.4. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán được trình bày lại để đảm bảo phù hợp với hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp tại Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 – Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót liên quan đến thuế và các khoản phải nộp Nhà nước bị truy thu theo Quyết định về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế số 2091/QĐ-CT ngày 25/04/2019 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh. Chi tiết như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Số liệu tại ngày 31/12/2018 trên BCTC đã được kiểm toán	Số liệu thay đổi tăng/ giảm	Số liệu tại ngày 01/01/2019 trên BCTC đã được trình bày lại
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	83.958.190.987	(18.939.482.352)	65.018.708.635
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác	2.207.411.454	18.939.482.352	21.146.893.806

8.5. Tính hoạt động liên tục của Công ty

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

8.6. Thông tin về bộ phận

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: lĩnh vực thương mại (bán hàng hóa, thành phẩm, vật tư) và lĩnh vực cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng. Chi tiết báo cáo bộ phận theo từng ngành nghề như sau:

	Bán hàng hóa, thành phẩm, vật tư (VND)	Dịch vụ (VND)	Năm 2019 (VND)
Doanh thu thuần theo bộ phận	12.722.190.888	3.656.416.069	16.378.606.957
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(10.890.939.792)	-	(10.890.939.792)
Lợi nhuận gộp theo bộ phận	1.831.251.096	3.656.416.069	5.487.667.165
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(27.701.480.501)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(22.213.813.336)
Doanh thu tài chính			12.379.948.467
Chi phí tài chính			18.714.381.706
Thu nhập khác			11.125.765
Chi phí khác			(4.581.112.633)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.679.890.546)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			2.630.639.423

Ngày 27 tháng 03 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

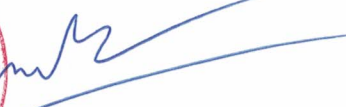
KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC









Nguyễn Thị Thủy Tiên

Nguyễn Thị Thủy Tiên

Bùi Quang Minh